

## NHỮNG BÀI HAY TRÊN TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC NĂM 2012

PHẠM ĐĂNG HIẾN

Theo thông lệ của Tạp chí Dân tộc học, đầu năm 2013, Ban Biên tập Tạp chí đã tiến hành bình chọn những bài hay trong số các bài đã được đăng trên Tạp chí năm 2012. Trong tổng số 46 bài nghiên cứu được công bố qua 6 số của Tạp chí năm 2012, có 16 bài được đề cử; trong đó, 6 bài đã được bình chọn là những bài hay của năm. Trong các bài được chọn, 3 bài có nội dung liên quan đến các phương diện văn hóa tộc người, 3 bài được dành cho nghiên cứu về các vấn đề kinh tế - xã hội (xem *Thông báo kết quả tuyển chọn bài hay trên Tạp chí Dân tộc học năm 2012* trong số này).

Nét chung của các bài được chọn là các tác giả đã thực hiện một cách khá bài bản những yêu cầu khoa học đối với một bài nghiên cứu (nêu vấn đề, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan, trình bày nội dung chính của bài nghiên cứu, tổng kết nghiên cứu dưới dạng nêu ra vấn đề, đưa ra kết luận, khuyến nghị và danh mục tài liệu tham khảo). Những bài nghiên cứu này đều được các tác giả công phu “gọt” lên từ vốn dữ liệu, tư liệu khoa học từ ấn phẩm và từ thực tiễn sinh động trong đời sống tộc người. Đây chính là nền cơ bản, vững mạnh để từ đó cái “hay” của các bài nghiên cứu này được thể hiện qua ngòi bút của từng tác giả. Các tác giả có bài được chọn năm nay còn có một điểm chung nữa - đó là đều chọn cách tiếp

cận vấn đề, cách phân tích sự vật trong trạng thái động, trong sự biến đổi của chúng dưới tác động qua lại của các yếu tố truyền thống và các tác nhân thời hiện đại.

Trong bài “Kiến trúc nhà cổ truyền của người Thái ở Thanh Hóa trong sự so sánh với người Thái ở Tây Bắc” (Số 1 (175)/2012, tr. 4-13) tác giả Mai Thị Hồng Hải chọn hướng tiếp cận so sánh văn hóa để triển khai các luận điểm của mình về một thành tố văn hóa của tộc người Thái - nhà sàn cổ truyền của các nhóm Thái ở Thanh Hóa và Tây Bắc. Trọng tâm của bài viết là hai mục mô tả súc tích, có chọn lọc “một số nét đặc trưng về kiến trúc nhà cổ truyền của người Thái” ở Thanh Hóa (các nhóm Tày Dọ, Tày Mười) và ở Tây Bắc (các nhóm Thái Trắng, Thái Đen). Thực hiện mục đích đó, tác giả đã phân tích kiểu dáng của cột, xà, khung, sàn, mái, khâu cút..., đặc điểm kỹ thuật lắp dựng, số gian, cơ cấu nội thất, tập quán phân bố, sử dụng mặt sàn và các bộ phận khác của ngôi nhà. Cái hay của bài viết, phải chăng là ở chỗ, thông qua việc mô tả khoa học có định hướng, đủ độ chi tiết mà không sa đà, tác giả đã rút ra sự tương đồng và khác biệt, những diễn biến văn hóa nhà sàn Thái ở nhiều cấp độ: giữa các nhóm xã hội (sang, hèn) trong cộng đồng Thái, giữa các nhóm tộc người Thái trong khoảng cách gần ở cùng một vùng mẫu nghiên cứu (Tày Dọ, Tày Mười ở Thanh Hóa; Thái Đen,

Thái Trắng ở Tây Bắc), trong khoảng cách xa ở hai vùng mẫu nghiên cứu (Tày Dọ Thanh Hóa, Thái Đen Tây Bắc; Tày Mười Thanh Hóa, Thái Trắng Tây Bắc...); giữa các nhóm người Thái với người Mường cận cư (Tày Dọ và Mường ở Thanh Hóa), với người Việt qua giao lưu và tiếp thu kỹ thuật dựng nhà thời hiện đại...

Lâm Bá Nam bàn về “Văn hóa làng nghề: Từ truyền thống đến hiện tại” (Số 3 (177)/2012, tr. 3-9). Thực ra, hình như tác giả đang giải bày một tâm sự, “tâm sự khoa học” của một nhà nghiên cứu. Sau khi rà lại các dạng làng nghề với cơ cấu tổ chức xã hội, với những lễ thói, bí quyết, cung cách hành nghề, phân công lao động, tục lệ thờ tự... để khẳng định làng nghề như một thể thống nhất xã hội - văn hóa - kinh tế, tác giả cho rằng trong sự phát triển rầm rộ của các làng nghề hiện nay lộ rõ xu hướng tiêu cực: đánh mất văn hóa, lương tâm, trí tuệ vốn có của làng nghề. Đặt làng nghề vào bối cảnh công nghiệp hóa, tác giả cho rằng “cần chú ý tới việc bảo tồn phát triển các làng nghề gắn liền với bảo tồn phát triển văn hóa làng nghề được cụ thể hóa bằng chính sách” và chú trọng khai thác vốn xã hội của chính các làng nghề.

Lê Thị Mùi tìm hiểu mức độ biến đổi ngôn ngữ ở một nhóm lứa tuổi qua phân tích “Thực trạng biến đổi ngôn ngữ của học sinh Thái và Mường ở trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa” (Số 4 (178)/2012, tr. 33-43). Chọn điều tra bằng bảng câu hỏi và phỏng vấn sâu làm kỹ thuật chủ đạo trong nghiên cứu, xử lý tốt các số liệu và tài liệu được tập hợp qua khảo sát đối tượng nghiên cứu, tác giả đã chất lọc và trình bày các bảng, biểu, các số liệu thống kê

nhằm phân tích các khía cạnh của thực trạng ngôn ngữ trong học sinh người Thái và người Mường trường Dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa: khả năng sử dụng tiếng dân tộc mình, tiếng phổ thông, tiếng dân tộc khác, mức độ ưa thích sử dụng, tần số sử dụng tiếng dân tộc mình và tiếng phổ thông trong các bối cảnh giao tiếp (trong gia đình, làng bản, nhà trường, lễ hội, mua bán...). Qua phân tích so sánh năng lực và tần suất các học sinh này sử dụng tiếng dân tộc mình và tiếng phổ thông ở các thời điểm trước và sau khi nhập trường, tác giả khẳng định xu hướng sử dụng tiếng phổ thông ở nhóm đối tượng này ngày càng chiếm ưu thế. Nghiên cứu này đồng thời cũng cho thấy một thực tế là sau khi nhập học, năng lực sử dụng tiếng dân tộc mình và năng lực sử dụng tiếng phổ thông của học sinh trường Phổ thông Dân tộc nội trú, đều được nâng cao.

Trần Hồng Hạnh dần bước vào những địa bàn nhạy cảm ở các vùng sâu, vùng xa để góp phần làm rõ vấn đề “Thông tin, truyền thông và biến đổi văn hóa tộc người ở vùng biên giới” (Số 5&6 (179)/2012, tr. 14-24). Qua thực tiễn ở các mẫu nghiên cứu tại 6 cộng đồng dân tộc vùng biên giới (Tày, Nùng ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc; Hmông, Khơ-mú ở vùng biên giới Việt Nam - Lào; Chăm, Khơ-me ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia), bằng số liệu, dữ liệu và lập luận vững chắc, tác giả đã phân tích sâu sắc về các nguồn thông tin, cách thức tiếp cận thông tin của người dân, tác động tích cực và tiêu cực của thông tin và truyền thông hiện đại tới văn hóa tộc người bản địa. Trong phần kết luận, tác giả nêu ra những khuyến nghị rất phù hợp với những đòi hỏi thực tiễn từ thực trạng thông

tin, truyền thông và văn hóa các tộc người vùng biên giới, hải đảo.

Đoàn Việt dường như chỉ phân tích “Biến đổi về vốn xã hội của người Chăm Hồi giáo từ việc đi làm ăn qua biên giới (Nghiên cứu ở huyện An Phú, tỉnh An Giang)”, nhưng bài viết cho thấy văn hóa Hồi giáo của nhóm tộc người này vẫn cứ đầy ắp ở mọi sự, mọi nơi, ở cả đôi bên biên giới trong cuộc mưu sinh của họ (Số 5&6 (179)/2012, tr. 56-65). Với hiểu biết tới mức có thể nói được là sâu về thực tiễn “làm ăn” xuyên biên giới của người Chăm Hồi giáo vùng Tây Nam Nam bộ, với tư liệu phong phú và cập nhật, tác giả đem đến cho bạn đọc một bức họa sinh động về biến đổi vốn xã hội ở cộng đồng tộc người này: từ việc tìm kiếm nguồn lợi thủy sản tới hình thành liên minh làng hay liên minh thánh đường; từ những thương gia “lữ hành” tới những người đi làm ăn xa và sự lệ thuộc vào các tổ chức, tập đoàn kinh tế; ảnh hưởng của các yếu tố kết nối tới việc mở rộng nguồn vốn xã hội; sự nỗ lực của các tổ chức quan phương, sức ỳ của các yếu tố vốn xã hội, những biến đổi các loại hình sinh kế... Qua

phân tích những biến đổi rất đa dạng như trên, tác giả rút ra nhận xét rằng ở mẫu nghiên cứu, nguồn vốn xã hội cơ bản của người Chăm là đạo Hồi, do vậy, họ có xu hướng mở rộng mạng lưới xã hội của họ tới các các cộng đồng đồng đạo ở bên ngoài biên giới và xem nhẹ mạng xã hội trong nước.

Phạm Văn Lợi đề cập đến vấn đề “Hôn nhân “liên minh ba thị tộc” ở người Bru- Vân Kiều (thôn Tà Rùng, xã Húc, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị) (Số 3 (177)/2012, tr. 20-30). Bằng sự hiểu biết sâu rộng vấn đề, bằng một tập hợp tư liệu thực địa đa dạng, chi tiết, có độ tin cậy cao và bằng cách trình bày của riêng mình, tác giả không những công hiến một bài hay cho Tạp chí năm 2012 mà còn góp thêm một bài hay về vấn đề liên minh hôn nhân một chiều, dây chuyền ba thị tộc vốn có từ lâu đời, nhưng cũng không hề cũ với kinh tế thị trường hiện đại.

Trên đây là một vài cảm nhận về các bài được chọn là bài hay trên Tạp chí Dân tộc học năm 2012. Xin chúc mừng các tác giả và mong rằng bạn đọc sẽ phát hiện thêm nhiều điều lý thú ở các bài nghiên cứu của họ.